

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HS-ST

Ngày: 23-01-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Công Hưng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bé Thị Hiếu

Ông Hoàng Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo: **Triệu Tiến K**; sinh ngày 16 tháng 5 năm 1985 tại xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng;

Nơi cư trú: Xóm P, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Quang Tr và bà Triệu Thị Th; có vợ Lương Bé T và có 01 con;

Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 20/6/2018 bị Công an huyện Hòa An, Cao Bằng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 212/QĐ-XPHC vì hành vi trộm cắp tài sản;

Nhân thân: Ngày 29/01/2015 bị Công an huyện Hòa An, Cao Bằng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 34/QĐ-XPHC vì hành vi cố ý gây thương tích;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/10/2018; Có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Bùi Minh H, sinh năm 1986; Có mặt

+ Ông Hoàng Vi H1, sinh năm 1970; Có mặt

+ Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1972; Có mặt
Cùng nơi cư trú: Xóm P, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng;
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
+ Ông Nguyễn Hữu K1; sinh năm 1976
Nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt
+ Ông Đỗ Việt T1; sinh năm 1988
Nơi cư trú: Xóm K, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt
- *Người tham gia tố tụng khác:*
Người làm chứng:
+ Ông Triệu Văn Đ; sinh năm 1970
Nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt
+ Ông Bàn Trọng H2; sinh năm 1989
Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt
+ Ông Bùi Văn Đạo; sinh năm 1961
Nơi cư trú: Xóm P, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ sáng ngày 27/10/2018, bị cáo đến nhà ông Mông Văn T2 ở xóm K, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng chơi thì gặp Bàn Trọng H2 (sinh năm 1989; trú tại xóm T, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng). Bị cáo và H2 thống nhất cùng nhau đi thành phố C mua ma túy về sử dụng nhưng không có xe mô tô. Bị cáo đến nhà chị gái ruột để mượn xe nhưng không gặp. Khi đi bộ qua nhà ông Hoàng Vi H1 (sinh năm 1970; trú tại xóm P, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng) và vợ là bà Hoàng Thị V (sinh năm 1972) bị cáo thấy 02 (Hai) chiếc xe máy dựng ở trước sân nhà. Quan sát không thấy ai, bị cáo đi ra sau nhà chính và nhìn thấy một chùm chìa khoá trong đó có chìa khoá xe mô tô treo ở cửa. Bị cáo cầm chùm chìa khoá quay lại sân chỗ dựng xe, cầm chìa khoá xe vào xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Taurus, biển kiểm soát 11H1-1541; dắt ra ngoài sân bị cáo khởi động và điều khiển xe quay lại nhà ông T2 đón H2 cùng đi xuống thành phố C và mua ma túy với một người đàn ông không quen biết tại Trung tâm phòng chống bệnh xã hội thuộc khu N, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng để sử dụng. Khi nhận ra xe mô tô mà bị cáo điều khiển là của ông H1, H2 hỏi bị cáo “Mượn xe của chú H1 à?”; bị cáo trả lời “Ừ”. Đến hơn 12 giờ cùng ngày, bị cáo mới thừa nhận với H2 là đã trộm xe của ông H1. Lo sợ hành vi phạm tội của mình bị phát hiện, sau khi chở H2 về nhà bị cáo đã mang xe đến trả cho ông H1 nhưng ông H1 đã thông báo với cơ quan Công an về sự việc bị mất trộm tài sản. Cơ quan điều tra đã triệu tập bị cáo để phục vụ công tác điều

tra. Quá trình điều tra, lấy lời khai của bị cáo còn khai nhận được thực hiện một hành vi trộm cắp khác.

Cụ thể, khoảng 05 giờ sáng ngày 21/10/2018, bị cáo đi từ nhà riêng đến nhà ông Bùi Minh H (sinh năm 1986; trú tại xóm P, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng) với mục đích trộm cắp tài sản. Thấy cổng nhà ông H không khoá nên bị cáo đi đến chuồng thỏ ở trong sân, mở cửa chuồng bắt được 05 (Năm) con thỏ màu trắng, xám cho vào bao tải mang về nhà riêng cất giấu. Đến khoảng 09 giờ sáng cùng ngày, bị cáo bán 02 (Hai) con thỏ, mỗi con nặng khoảng 0,5kg cho ông Nguyễn Hữu K1 (sinh năm 1976; trú tại xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng) được số tiền là 130.000 đồng (Một trăm ba mươi nghìn đồng). Chiều tối cùng ngày bị cáo thịt 01 (Một) con thỏ và mời các ông Triệu Văn Đ, Lý Văn M (cùng trú tại xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng) đến cùng ăn. Ngày 23/10/2018, bị cáo bán 02 (Hai) con thỏ còn lại, mỗi con nặng khoảng 1,5kg cho ông Đỗ Việt T1 (sinh năm 1988, trú tại xóm K, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng) được số tiền là 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền có được do bán thỏ là 380.000 đồng (Ba trăm tám mươi nghìn đồng); bị cáo đã sử dụng để mua ma túy và chi tiêu cá nhân hết.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ vật chứng của vụ án gồm 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 11H1-1541 cùng các giấy tờ xe và 04 con thỏ màu trắng xám bị cáo đã bán cho ông K1, ông T1. Đồng thời, ông Triệu Văn Đ cũng tự nguyện nộp số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) để Cơ quan điều tra bồi hoàn cho ông H.

Tại Kết luận định giá tài sản số 39/KL-ĐGTS ngày 01/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản đã kết luận:

- 05 (Năm) con thỏ màu trắng xám, tổng trọng lượng tịnh 07kg trị giá: 07kg x 100.000đ = 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng);

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại xe Taurus, màu sơn đen, số khung 006296, số máy 006295, biển kiểm soát 11H1-1541, đã qua sử dụng trị giá: 7.000.000đ (Bảy triệu đồng);

Tổng cộng: 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 01/CT-VKSHA ngày 26/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng đã truy tố bị cáo Triệu Tiến K về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về bồi thường thiệt hại: Do các bị hại đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về phần bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Ông K1, ông T1 yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền đã mua tài sản trộm cắp với bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, chấp nhận yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về việc xử lý vật chứng: Các vật chứng của vụ án đã được Cơ quan điều tra hoàn trả cho chủ sở hữu tại giai đoạn điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Các bị hại ông Bùi Minh H, ông Hoàng Vi H1 và bà Hoàng Thị V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và không có yêu cầu gì thêm về bồi thường thiệt hại.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Hữu K1 và ông Đỗ Việt T1 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi hoàn số tiền đã mua tài sản trộm cắp với bị cáo.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh cũng như mức hình phạt tuy nhiên trong lời nói sau cùng, bị cáo có đưa ra ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An, của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo đã thực hiện, tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo; lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua đó đã xác định được lợi dụng sơ hở của các bị hại trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý vì động cơ vụ lợi; Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trật tự xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trên địa bàn. Với tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) thì bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, do vậy đại diện

Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, mức hình phạt và các vấn đề khác là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết, diễn biến của phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ sự ăn năn, hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tại phiên tòa các bị hại đều có ý kiến đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân xấu, từng bị xử phạt vi phạm hành chính vì hành vi trộm cắp tài sản và cố ý gây thương tích nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo mục đích cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung đối với xã hội. Do vậy áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Ngoài hình phạt chính, tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự còn quy định hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với người phạm tội này. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là người không nghề nghiệp, không có thu nhập nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về bồi thường thiệt hại:

Do các bị hại đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về phần bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm về phần bồi thường thiệt hại.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Hữu K1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã dùng để mua tài sản trộm cắp là 130.000đ (Một trăm ba mươi nghìn đồng); ông Đỗ Việt T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Xét thấy, ông K1, ông T1 không biết tài sản mua bán là do trộm cắp mà có, yêu cầu các ông đưa ra là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Đối với Bàn Trọng H2 là người đi cùng bị cáo đến thành phố C bằng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11H1-1541 nhưng H2 không biết đây là xe do bị cáo trộm cắp tài sản mà có; khi biết hành vi phạm tội của bị cáo H2 đã khuyên bị cáo mang xe đi trả cho chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với Bàn Trọng H2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo và H2, Cơ quan điều tra Công an huyện Hoà An không có cơ sở để điều tra, xác minh xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về việc xử lý vật chứng: Các vật chứng của vụ án đã được Cơ quan điều tra hoàn trả cho chủ sở hữu tại giai đoạn điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, án phí dân sự sơ thẩm quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

1. Tuyên bố: Bị cáo Triệu Tiến K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử bị cáo Triệu Tiến K 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt giữ ngày 27/10/2018.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Xác nhận các bị hại ông Bùi Minh H đã được nhận lại tài sản bị thiệt hại theo biên bản ngày 27/10/2018; ông Hoàng Vi H1 và bà Hoàng Thị V đã được nhận lại tài sản bị thiệt hại theo biên bản ngày 23/11/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An, Cao Bằng.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Triệu Tiến K có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Hữu K1 (sinh năm 1976, trú tại: Xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng) số tiền 130.000đ (Một trăm ba mươi nghìn đồng); ông Đỗ Việt T1 (sinh năm 1988, trú tại: Xóm K, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng) 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Triệu Tiến K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Công an huyện Hòa An;
- VKSND huyện Hoà An;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS Hòa An;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Công Hưng